

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 279/2023/QĐST-HNGĐ

M, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị S và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 12/5/2011 và cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/2/2013.

Ly hôn, chị Nguyễn Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 18/2/2013 đến khi thành niên đủ 18 tuổi (nếu không có sự thay đổi khác về nuôi con). Anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom,

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 12/5/2011 đến khi thành niên đủ 18 tuổi (*nếu không có sự thay đổi khác về nuôi con*). Hai bên nuôi con không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì cả hai bên đều không yêu cầu. Chị S và anh T đều có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công sức, công nợ*: Chị S và anh T đều thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí: Chị S tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (*Một trăm lăm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0021181 ngày 17/7/2023 của Chi cục thi hành án huyện M, thành phố H. Hoàn trả chị S số tiền 150.000đ (*Một trăm lăm mươi nghìn đồng*).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự*;

- VKSND, CCTHADS M;

- UBND xã Đ

GCNKH số 35 quyền số 01 ngày 05/10/2010;

- *Lưu VP, HSVA.*

THẨM PHÁN

TRẦN MINH ĐĂNG